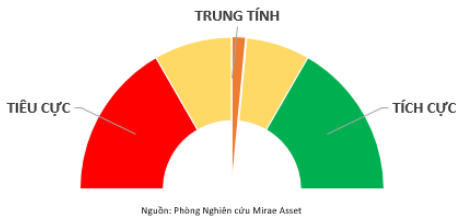


Thang đo sức mạnh thị trường



04 Tháng Hai 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

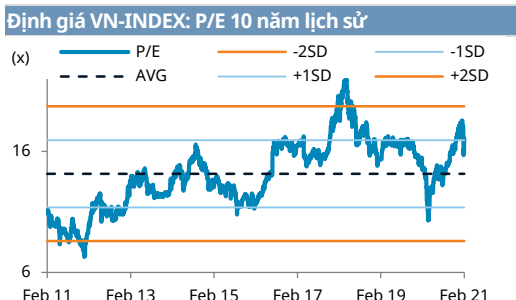
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,112.19	0.08	-0.74	19.71
HNX	223.68	0.03	8.43	118.07
UPCOM	74.06	1.03	-0.19	35.29
MSCI EM	1,392.64	0.83	6.76	28.31
NIKKEI	28,341.95	-1.06	3.98	22.77
HANG SENG	29,113.50	-0.66	5.97	9.14
KOSPI	3,087.55	-1.35	4.86	43.08
FTSE	6,550.89	0.66	-0.32	-11.95
S&P 500	3,830.17	0.10	3.50	16.15
NASDAQ	13,610.54	-0.02	7.18	43.75

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.07	2.34	13.73
SET INDEX	26.35	1.66	5.66
JCI INDEX	30.05	1.60	4.35
PCOMP INDEX	27.49	1.71	6.50

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.08	-8	-10	-108
10 năm	2.24	-2	-12	-88

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,026	0.01	0.21	0.93
US\$/KRW	1,119	-0.33	-3.28	6.17
US\$/JPY	105	-0.19	-2.00	4.08
US\$/EUR	0.83	0.34	2.14	-7.92
US\$/GBP	0.74	0.48	-0.05	-4.05
US\$/SGD	1.33	-0.13	-1.06	2.67

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	571	651	270
HNX	70	88	32
UPCOM	25	38	16



Nhận định thị trường

Liên tục giằng co

Sau 2 phiên tăng mạnh vừa qua, nhà đầu tư đã trở nên cẩn trọng hơn trong phiên hôm nay. Xuyên suốt trong phiên, xu thế chủ yếu là giằng co khi lực mua và lực bán tỏ ra cân bằng. Chính vì thế, VN-Index đóng cửa tại 1.112,2 điểm, tăng 0,9 điểm, tương ứng +0,08% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 12.431 tỷ đồng, HNX: 1.520 tỷ đồng, UPCOM: 607 tỷ đồng.

Đây là phiên giao dịch giằng co, tuy nhiên vẫn ghi nhận các mã cổ phiếu giao dịch vượt trội so với thị trường. Tiêu biểu ngày hôm nay như nhóm Dầu khí tâm điểm với hàng loạt mã tăng mạnh: BSR, OIL, POW, GAS, PVD, PVS, nhóm Bất động sản KCN vẫn duy trì được đà tăng điểm với SZL, SZC, NTC, KBC.

Khối ngoại tiếp tục đà mua ròng trong ngày hôm nay với giá trị 190 tỷ đồng, trong đó tập trung chủ yếu vào chứng chỉ quỹ FUEVFVND và VHM.

Phiên giao dịch đi ngang của VN-Index giúp các chỉ số kỹ thuật được cải thiện. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện ở mức 0, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (04/02/2021)	Kháng cự 1	1.150
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.200
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.050
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.000

VN-Index có đi ngang sau 2 phiên tăng mạnh, xu hướng trong ngắn hạn tiếp tục giằng co trước khi đi vào vùng kháng cự cũ.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (04/02/2020)	1.115	Kháng cự 1	1.150
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.200
VN30 - đóng cửa	1.117,7	Hỗ trợ 1	1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,7	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-2	TRUNG TÍNH

VN30F1M có phiên giao dịch đồng pha với cơ sở, spread trong ngày là 28 điểm, thấp hơn nhiều so với biến động của 2 phiên gần nhất.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
HPG	41.8	25,381,580	-2	TRUNG TÍNH	138,495	10.3	2.3
TCB	35	17,236,980	0	TRUNG TÍNH	122,672	9.9	1.7
STB	17.6	33,172,744	-2	TRUNG TÍNH	31,744	11.8	1.1
SHB	15.4	32,889,596	-2	TRUNG TÍNH	27,032	9.3	1.1
MBB	24.05	18,291,016	-2	TRUNG TÍNH	67,310	8.1	1.4
KBC	40.15	10,718,505	-2	TRUNG TÍNH	18,861	110.5	2.0
SSI	29.7	14,075,710	-2	TRUNG TÍNH	17,791	14.2	1.8
CTG	34.7	10,047,785	-2	TRUNG TÍNH	129,202	9.4	1.5
NVL	81.5	4,193,985	4	KHẢ QUAN	86,712	20.6	3.1
VNM	108.8	3,073,315	0	TRUNG TÍNH	227,387	22.8	7.3
VHM	98.4	2,997,630	0	TRUNG TÍNH	323,688	11.6	3.8
ACB	28.2	8,866,175	0	TRUNG TÍNH	60,956	7.9	1.7
DXG	21.3	11,315,320	0	TRUNG TÍNH	11,040	#N/A N/A	1.8
PVD	19.6	11,684,705	-2	TRUNG TÍNH	8,254	69.0	0.6
HSG	23.9	9,543,285	-4	TIÊU CỰC	10,619	7.1	1.5
VPB	36.6	6,230,655	1	TRUNG TÍNH	89,844	8.6	1.7
VRE	32.6	6,983,805	-4	TIÊU CỰC	74,078	31.1	2.5
PDR	59	3,757,785	6	KHẢ QUAN	23,374	19.5	4.6
MSN	89.5	2,440,095	-2	TRUNG TÍNH	105,134	84.9	6.6
TCH	22.35	9,320,450	-4	TIÊU CỰC	7,896	8.7	1.6
PVS	18.3	11,132,395	0	TRUNG TÍNH	8,747	13.5	0.7
MWG	128.5	1,582,035	-2	TRUNG TÍNH	59,897	14.8	3.8
FPT	72.5	2,796,740	5	KHẢ QUAN	56,833	17.6	3.6
IDC	39	5,141,730	0	TRUNG TÍNH	11,700	38.8	3.3
FLC	6.1	29,485,364	-2	TRUNG TÍNH	4,331	158.6	0.5
LPB	13.35	12,853,005	-2	TRUNG TÍNH	14,346	7.7	1.0
HCM	27.3	6,123,345	-2	TRUNG TÍNH	8,328	15.7	1.9
POW	12.9	12,446,480	-2	TRUNG TÍNH	29,508	13.4	1.0
SHS	24.8	6,431,060	-2	TRUNG TÍNH	5,140	6.8	1.6
GVR	25.45	6,220,305	-4	TIÊU CỰC	101,800	23.8	2.1
GEX	20.6	7,606,425	-2	TRUNG TÍNH	9,929	12.5	1.5
DBC	49	3,068,610	-2	TRUNG TÍNH	5,133	3.6	1.2
VND	25.5	5,684,585	-2	TRUNG TÍNH	5,317	7.6	1.5
VIC	105	1,356,170	2	TRUNG TÍNH	355,155	66.9	4.5
HBC	15.8	8,900,720	-6	TIÊU CỰC	3,648	49.0	1.0
DIG	28.5	4,501,910	-4	TIÊU CỰC	8,976	13.6	1.9
GMD	30.4	4,025,600	-2	TRUNG TÍNH	9,162	26.8	1.6
PVT	16.45	7,416,450	-4	TIÊU CỰC	5,324	8.4	1.1
ROS	3.78	30,545,864	-4	TIÊU CỰC	2,191	1,286.7	0.4
VCB	98.9	1,145,100	0	TRUNG TÍNH	366,808	19.9	3.7
HDB	23.55	4,792,930	-2	TRUNG TÍNH	37,533	8.8	1.6
ITA	6.01	17,590,704	-4	TIÊU CỰC	5,639	32.4	0.5
BSR	10.9	9,689,395	0	TRUNG TÍNH	33,795	12.1	1.0
HNG	11.1	9,227,855	-4	TIÊU CỰC	12,305	572.7	1.4
SBT	19.2	4,945,855	-2	TRUNG TÍNH	11,849	17.2	1.5
VIX	25.8	3,516,490	0	TRUNG TÍNH	3,295	15.7	2.0
VJC	130.6	680,350	-2	TRUNG TÍNH	68,413	988.8	4.6
CTD	70.3	1,251,160	-4	TIÊU CỰC	5,222	12.2	0.6
TPB	26.5	3,299,005	0	TRUNG TÍNH	27,339	7.6	1.6
BID	41.5	2,023,895	-2	TRUNG TÍNH	166,914	23.4	2.2
GAS	81	1,034,010	-2	TRUNG TÍNH	155,030	17.0	3.3
ASM	16.15	5,067,290	-4	TIÊU CỰC	4,181	8.4	0.9

VCI	53	1,525,680	-2	TRUNG TÍNH	8,777	11.4	1.9
TNG	21.1	3,724,225	-4	TIÊU CỰC	1,561	10.0	1.4
HAG	4.46	17,060,116	-4	TIÊU CỰC	4,136	#N/A N/A	0.7
HDG	38.9	1,941,415	-4	TIÊU CỰC	6,001	6.2	1.9
NKG	15.3	4,919,775	-4	TIÊU CỰC	2,632	9.0	0.8
FIT	12.7	5,577,360	-4	TIÊU CỰC	3,235	57.5	1.1
NVB	13.3	5,184,005	-2	TRUNG TÍNH	5,410	4,464.1	1.3
PHR	58.5	1,161,480	-4	TIÊU CỰC	7,927	7.6	2.5
VPI	35.6	1,882,785	-4	TIÊU CỰC	7,120	23.2	2.6
LCG	13.35	4,996,900	-2	TRUNG TÍNH	1,539	4.9	0.9
LDG	7.11	8,974,925	-4	TIÊU CỰC	1,702	142.2	0.5
GTN	23.55	2,659,930	-2	TRUNG TÍNH	5,864	57.6	2.3
BVH	58.1	1,057,175	0	TRUNG TÍNH	43,129	27.8	2.2
DRC	27	2,235,120	-2	TRUNG TÍNH	3,207	12.5	1.9
VHC	37	1,602,610	-4	TIÊU CỰC	6,732	9.6	1.3
NLG	32.5	1,758,415	-4	TIÊU CỰC	8,946	10.9	1.5
CTR	84.4	675,840	-4	TIÊU CỰC	6,058	32.9	6.7
PNJ	82.9	678,740	-4	TIÊU CỰC	18,849	17.5	3.6
SZC	37.95	1,474,045	-6	TIÊU CỰC	3,795	20.4	3.0
CII	21.1	2,561,570	-4	TIÊU CỰC	5,087	17.9	1.0
HUT	4.4	11,899,425	-4	TIÊU CỰC	1,182	#N/A N/A	0.4
PLX	51.3	1,007,105	0	TRUNG TÍNH	62,525	81.3	3.0
IJC	24.5	2,108,170	-2	TRUNG TÍNH	5,319	9.6	1.6
KDH	32.7	1,558,770	-4	TIÊU CỰC	18,273	16.0	2.2
HQC	2.25	22,594,976	-4	TIÊU CỰC	1,072	111.7	0.2
FRT	26.8	1,879,460	-2	TRUNG TÍNH	2,117	37.3	1.7
KDC	40	1,190,760	-2	TRUNG TÍNH	9,150	40.1	1.6
DCM	12.7	3,715,900	-2	TRUNG TÍNH	6,723	12.3	1.1
CEO	9.7	4,752,490	-2	TRUNG TÍNH	2,496	#N/A N/A	0.9
SCR	7.93	5,803,750	-4	TIÊU CỰC	2,905	16.3	0.6
AAA	13.3	3,338,155	-2	TRUNG TÍNH	2,949	9.4	0.8
DPM	15.95	2,731,615	-2	TRUNG TÍNH	6,242	9.6	0.8
VGT	17.5	2,458,645	-4	TIÊU CỰC	8,750	31.1	1.4
DGC	51.7	827,825	-2	TRUNG TÍNH	7,691	9.0	2.0
HDC	39.2	1,091,495	0	TRUNG TÍNH	2,582	11.3	2.3
REE	53.5	786,220	-2	TRUNG TÍNH	16,534	10.2	1.4
SAB	182.1	220,990	-2	TRUNG TÍNH	116,777	25.8	5.9
PET	15.45	2,565,115	-2	TRUNG TÍNH	1,291	9.6	0.8
MBS	18.5	2,110,715	-2	TRUNG TÍNH	3,040	11.3	1.5
KSB	27.4	1,420,930	-2	TRUNG TÍNH	1,826	6.5	1.2
PAN	26	1,432,740	-2	TRUNG TÍNH	5,431	29.2	1.5
FCN	11.45	3,212,450	-4	TIÊU CỰC	1,436	12.0	0.6
TCM	78	464,680	-4	TIÊU CỰC	4,710	20.1	2.9
HVN	26.1	1,337,620	-4	TIÊU CỰC	37,017	#N/A N/A	5.8
ART	4.8	7,231,830	-4	TIÊU CỰC	465	#N/A N/A	0.4
VCG	47.4	713,440	0	TRUNG TÍNH	20,937	12.8	3.0
HHS	5.59	6,018,990	-4	TIÊU CỰC	1,536	5.2	0.4
MSR	19.2	1,639,135	-4	TIÊU CỰC	21,104	53.9	1.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Lượng hành khách hàng không giảm kỷ lục 66% trong năm 2020

Lưu lượng hành khách hàng không giảm kỷ lục 66% trong năm 2020 vì các biện pháp giới hạn di chuyển giữa bối cảnh Covid-19, Hiệp hội Vận Tải Hàng không Quốc tế (IATA) cho biết trong ngày 03/02. IATA cũng cảnh báo việc xuất hiện các biến chủng mới của virus corona có thể ảnh hưởng tới triển vọng hồi phục trong năm 2021. Xét trong bối cảnh các thị trường hàng không quốc tế phần lớn chưa hoạt động trở lại, lưu lượng hành khách nội địa ít bị tác động hơn, giảm 49% so với mức giảm 76% đối với lưu lượng hành khách nước ngoài. Các biện pháp giới hạn di chuyển được triển khai trong làn sóng dịch bệnh đầu tiên đã khiến lưu lượng hành khách toàn cầu chỉ đạt 5% của mức bình thường, trong đó các chiếc máy bay phải nằm "đắp chiếu" trên đường bay vì không còn không gian nào khác. "Năm 2020 thật là thảm họa. Chẳng còn cách nào khác để mô tả hết", IATA dẫn lời Tổng Giám đốc Alexandre de Juniac. "Đà hồi phục hồi mùa hè đã chững lại trong mùa thu và tình hình đã chuyển biến xấu đáng kể trong mùa lễ cuối năm, vì các nước áp đặt biện pháp giới hạn di chuyển nghiêm trọng hơn khi xuất hiện đợt bùng phát mới và biến chủng mới". Chuyên gia kinh tế trưởng của IATA Brian Pearce cho biết: "Tính chung, quãng đường các chuyến bay vận tải hành khách thế giới đã thực hiện trong năm 2020 giảm 2/3 và "đây là cú sốc lớn nhất mà ngành hàng không từng trải qua." IATA - vốn đại diện cho 290 hãng hàng không - vẫn chưa hạ triển vọng hồi phục của ngành hàng không trong năm nay vì các đợt tiêm vắc-xin Covid-19 trên toàn cầu, nhưng cảnh báo rằng việc xuất hiện biến chủng virus mới đã làm lu mờ những dự báo. "Chúng ta bắt đầu năm 2021 từ mức thấp", ông Pearce lưu ý. Ông cho biết vẫn kỳ vọng 2021 sẽ là năm phục hồi của ngành hàng không. Hiệp hội này dự báo lưu lượng hành khách hàng không tăng 50% so với năm 2020, nhưng nhiều đó cũng chỉ bằng 1/2 kết quả của năm 2019.

Dầu lên cao nhất trong 1 năm khi dự trữ tại Mỹ giảm mạnh

Giá dầu tăng gần 2% vào ngày thứ Tư (03/02) và dao động gần mức cao nhất trong 1 năm, sau khi dữ liệu từ Chính phủ cho thấy dự trữ dầu thô tại Mỹ giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 03/2020, trong khi OPEC+ vẫn duy trì thỏa thuận nguồn cung, CNBC đưa tin. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Tư, hợp đồng dầu Brent tương lai tiến 1.74% lên 58.46 USD/thùng. Trước đó, hợp đồng này đã chạm mức 58.94 USD/thùng, mức cao nhất kể từ cuối tháng 02/2020. Hợp đồng dầu WTI cộng 1.7% lên 55.69 USD/thùng, sau khi chạm mức 56.33 USD/thùng hồi đầu phiên, mức cao nhất kể từ tháng 01/2020. Tình trạng bù hoãn bán (backwardation) của 2 hợp đồng, tình trạng mà hợp đồng giao kỳ hạn gần có giá cao hơn hợp đồng giao kỳ hạn xa, chạm mức cao nhất trong hơn 1 năm ở khoảng 2.30 USD, cho thấy kỳ vọng nguồn cung thắt chặt hơn. Vào ngày thứ Tư, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết dự trữ dầu thô nội địa giảm trong tuần trước xuống 475.7 triệu thùng, mức thấp nhất kể từ tháng 3/2020. Trong khi, tỷ lệ sử dụng nhà máy lọc dầu tăng 0.6 điểm phần trăm.

Đại hội XIII: Khởi đầu cho Đổi mới 2.0

Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra 3 đột phá chiến lược gồm: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ. Ba đột phá này đã được kế thừa tại Đại hội XII và Đại hội XIII đã có những bổ sung rất đáng chú ý, nhất là trụ cột thể chế. Báo cáo Chính trị viết: "Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách nhằm tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; Huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính; Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng những biện pháp hữu hiệu." Nhà nước, thị

trường và xã hội là 3 trụ cột phát triển. Mỗi trụ cột có vai trò của mình và chúng có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Con đường phát triển sẽ gặp trục trặc khi có ít nhất một trụ cột không thể phát huy vai trò của mình. Mô hình kinh tế kế hoạch mà ở đó vai trò của Nhà nước được đặt làm trung tâm và thay luôn cả hai trụ cột kia là không thực tế nên không thể tồn tại. Đối mới 1 vào năm 1986 đơn giản là trả lại vai trò tạo ra của cải cho xã hội của thị trường. Khi mô hình dân chủ phương Tây thắng thế trên bình diện toàn cầu thì áp lực đẩy nhanh tiến trình dân chủ hoá ở Việt Nam cả từ bên trong và bên ngoài không phải là nhỏ. Tuy nhiên, khi mô hình dân chủ bộc lộ những khiếm khuyết nghiêm trọng và dân tuý nổi lên đã đưa lại một hàm ý và cách tiếp cận tương minh hơn rất nhiều đối với Việt Nam. Cần phải khẳng định rằng dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là đích đến của tất cả các quốc gia trên thế giới. Tất cả các nước thành công và trở nên phát triển trên thế giới hiện nay đều dựa trên nền tảng kinh tế thị trường và hầu hết đều được xếp hạng dân chủ cao. Tuy nhiên, đó chỉ là những kết quả cuối cùng. Chưa có bằng chứng thuyết phục về mối quan hệ nhân quả dân chủ dẫn đến phát triển. Thêm vào đó, với những trục trặc đang xảy ra ở các nền dân chủ lâu đời, nhất là Mỹ, đang có những tranh luận về những nền tảng của dân chủ và vấn đề của nó.

DLG: lỗ kỷ lục 894 tỷ đồng

Theo BCTC hợp nhất quý 4/2020, DLG ghi nhận doanh thu thuần giảm 8%, xuống còn 688 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu bán linh kiện điện tử chiếm tỷ trọng lớn nhất, ghi nhận gần 429 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá vốn giảm nhẹ hơn đã khiến lãi gộp của doanh nghiệp này giảm 23%, xuống còn 108 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tài chính cũng tăng 53%, đạt 63 tỷ đồng chủ yếu là lãi tiền gửi, tiền cho vay. Đáng chú ý, chi phí tài chính tăng vọt lên 492 tỷ đồng, gấp 4.8 lần cùng kỳ do trong kỳ ghi nhận khoản lỗ từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính gần 380 tỷ đồng. Kết thúc quý cuối năm, DLG lỗ ròng 368 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi 10 tỷ đồng. Khép lại năm 2020, DLG ghi nhận doanh thu thuần giảm 31%, xuống còn 1,981 tỷ đồng và lỗ ròng 894 tỷ đồng. Đây cũng là khoản lỗ kỷ lục mà doanh nghiệp này hứng chịu sau hơn chục năm niêm yết (22/06/2010).

IDC: Lợi nhuận Idico đi ngang

Tổng công ty Idico (HNX: IDC) ghi nhận doanh thu hợp nhất quý IV/2020 giảm 14% xuống 1.205 tỷ đồng. Giá vốn giảm thấp hơn mức giảm doanh thu nên lợi nhuận gộp giảm 24% xuống 191 tỷ đồng. Doanh nghiệp giảm được nhiều chi phí như chi phí tài chính giảm 41%, chi phí bán hàng và chi phí quản lý cùng giảm 37%. Nhờ vậy, Idico báo cáo lợi nhuận quý IV gần như đi ngang ở mức 88 tỷ đồng. Lũy kế cả năm, doanh thu tổng công ty đạt 4.561 tỷ đồng, giảm 8%; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 302 tỷ đồng, giảm 13%. Doanh nghiệp vượt 60% kế hoạch lợi nhuận năm.

KBC: ước lợi nhuận 1.000 tỷ đồng từ các hợp đồng đã ký

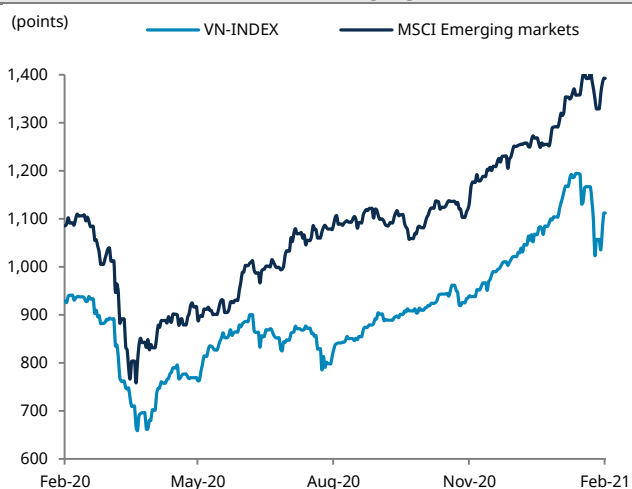
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (HSX: KBC) vừa công bố thành lập Công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Hưng Yên để đầu tư quản thể Công nghiệp - Đô thị lớn tại Hưng Yên. Công ty này đặt tại địa chỉ 537 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Lê Lợi, Thành Phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên Việt Nam với vốn điều lệ 1.800 tỷ đồng. Trong đó, công ty mẹ - Tổng công ty phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP góp 1.080 tỷ đồng tương ứng 60% vốn cổ phần; Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn Hải Phòng góp 180 tỷ đồng tương ứng 10% vốn cổ phần. Tiếp tục triển khai các hợp đồng đã ký kết trong năm 2020 và đầu 2021, theo các hợp đồng đã ký, KBC ước tính đạt 3.000 tỷ đồng doanh thu hợp nhất và lợi nhuận ước đạt trên 1000 tỷ đồng. Kết quả này chủ yếu từ các KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh, KCN Quang Châu và Khu đô thị Phúc Ninh và Khu đô thị Tràng Duệ.

LTG: lãi 366 tỷ đồng năm 2020, tăng 10%

Tập đoàn Lộc Trời (UPCoM: LTG) công bố doanh thu hợp nhất quý IV tăng 78% đạt 3.534 tỷ đồng. Giá vốn tăng 75%, thấp hơn mức tăng doanh thu. Nhờ vậy, lãi gộp đạt 711 tỷ

đồng, tăng 86%. Biên lãi gộp tăng từ 19,2% lên 20,1%. Chi phí tài chính tăng 42% lên 69%, chi phí bán hàng tăng 44% lên 257 tỷ đồng, chi phí quản lý tăng 85% lên 177 tỷ đồng. Đồng thời, hoạt động khác ghi nhận lỗ 47 triệu đồng, cùng kỳ năm trước lãi 12 tỷ đồng. Theo đó, Lộc Trời ghi nhận lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 164 tỷ đồng, gấp 3,8 lần cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm, doanh thu tập đoàn giảm 10% xuống 7.506 tỷ đồng; lãi sau thuế tăng 10% lên 366 tỷ đồng. Doanh nghiệp vượt nhẹ kế hoạch lợi nhuận sau thuế 360 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



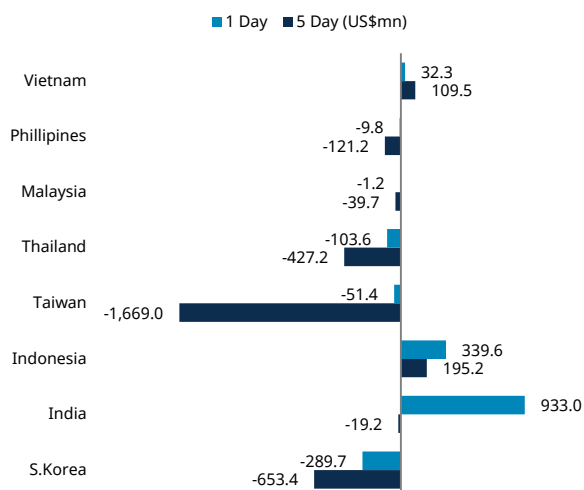
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



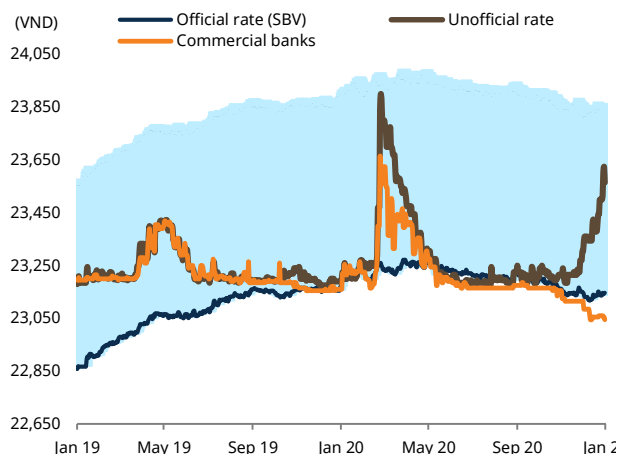
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



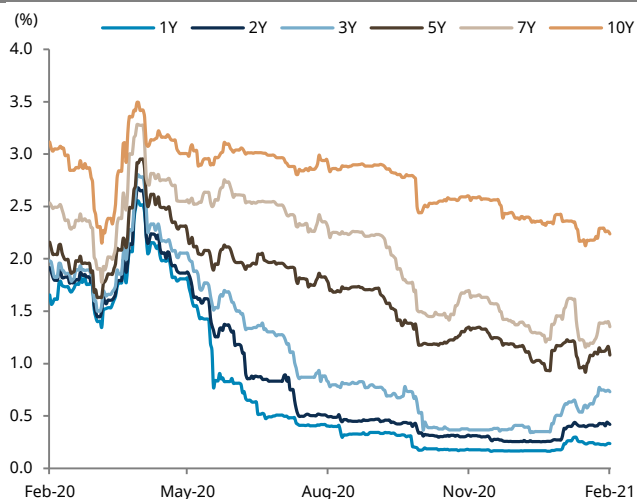
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



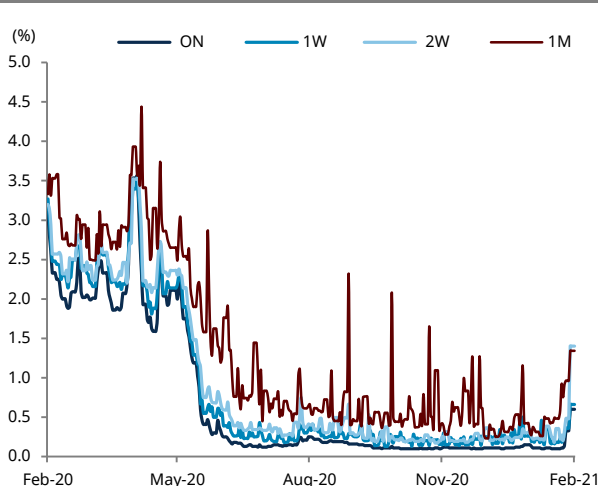
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,117.74	2,943,065		0.0	10.6	2.4	32.2	14.4	12.8	2.5	2.1	12.8	17.6	18.0	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41,500	166,914	17.3	0.4	7.9	-14.0	-23.7	17.9	11.9	1.9	1.7	50.9	12.2	15.4	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	58,100	43,129	28.1	-0.7	7.6	-12.4	4.3	27.6	24.1	2.1	1.9	14.2	8.2	8.6	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	34,700	129,202	28.7	-0.6	14.3	-2.3	29.0	9.9	7.7	1.4	1.2	29.3	14.8	15.8	
CTCP FPT	FPT VN	72,500	56,833	49.0	3.6	23.7	20.4	61.0	14.2	12.1	3.1	2.9	17.9	25.4	27.1	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	81,000	155,030	2.9	1.3	10.2	-8.8	-1.2	19.2	15.9	3.2	3.1	20.5	16.9	22.5	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	23,550	37,533	17.5	-1.9	8.5	-2.3	41.0	7.0	6.1	1.2	1.0	15.3	19.0	18.5	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	41,800	138,495	30.9	-0.5	11.5	-1.2	103.9	9.5	8.4	2.1	1.6	12.2	22.2	21.5	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	32,700	18,273	37.8	3.3	2.5	11.4	39.0	14.5	9.7	2.1	1.8	50.4	15.1	20.1	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	24,050	67,310	22.9	-0.8	7.6	1.3	32.0	7.0	5.9	1.2	1.0	18.5	18.7	19.0	
Tập đoàn Masan	MSN VN	89,500	105,134	32.1	0.7	4.9	0.7	79.0	39.7	26.0	3.1	2.9	52.6	9.7	14.2	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	128,500	59,897	49.0	0.8	3.5	6.6	19.1	11.6	9.2	3.0	2.5	25.2	28.3	29.2	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	81,500	86,712	7.2	-1.8	7.5	26.6	49.9	20.2	17.2	2.7	2.2	17.6	13.5	13.7	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	59,000	23,374	1.0	0.0	12.4	13.9	173.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,300	62,525	15.5	1.6	8.7	-6.6	1.2	19.0	16.2	2.5	2.5	17.1	15.3	16.4	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	82,900	18,849	49.0	0.0	6.7	1.5	-1.3	15.5	12.3	3.2	2.6	25.9	23.1	23.8	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,600	29,508	8.5	1.2	5.4	-10.6	32.6	13.3	11.9	0.9	0.9	12.3	7.5	8.0	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	53,500	16,534	49.0	-0.9	10.8	6.4	60.2	9.8	8.7	1.3	1.2	13.2	14.0	13.7	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,200	11,849	8.1	0.0	4.3	-8.4	7.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	29,700	17,791	45.1	0.0	7.0	-12.1	102.7	15.3	13.5	NA	NA	13.0	11.6	12.0	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	17,600	31,744	9.9	-2.2	9.7	0.3	72.5	14.2	10.7	1.1	1.0	32.9	8.4	9.9	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	35,000	122,672	22.5	0.0	12.2	6.1	60.9	9.5	8.1	1.4	1.2	16.7	16.4	16.2	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,350	7,896	6.0	-0.4	4.4	11.5	-45.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	26,500	27,339	30.0	-1.1	13.5	-4.7	54.2	7.5	6.3	1.4	1.1	18.7	19.9	19.7	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	98,900	366,808	23.7	0.0	9.2	-0.1	10.1	18.4	14.6	3.2	2.7	26.3	19.3	20.7	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	98,400	323,688	22.3	1.2	12.6	7.0	14.8	10.3	8.8	2.8	2.2	16.4	30.7	28.4	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	105,000	355,155	14.0	-2.3	12.9	-2.8	-8.5	43.1	30.3	3.4	3.0	42.1	8.5	11.0	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	130,600	68,413	18.9	-0.3	7.3	3.8	1.2	31.4	20.9	4.2	3.6	50.5	14.1	18.3	
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	108,800	227,387	57.7	-0.8	13.2	-0.5	24.3	19.9	18.3	6.9	6.0	8.7	38.6	37.5	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	36,600	89,844	23.4	3.2	23.4	7.0	56.1	8.4	7.5	1.5	1.2	11.3	18.5	17.2	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,600	74,078	31.4	-1.5	1.7	3.0	11.5	23.6	17.9	2.4	2.2	31.9	10.6	12.3	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN-Index	0.90	4,149,862	0.1	8.6	-0.7	19.7	17.1	14.5	2.3	2.2	17.6	13.7	16.9	
Ô tô và phụ tùng	0.02	7,749	1.0	1.7	7.1	29.3	5.9	5.1	1.1	1.0	25.3	11.6	-2.2	
Ngân hàng	0.07	1,192,638	0.0	7.9	-1.4	19.8	13.4	10.3	2.0	1.7	20.1	17.0	17.6	
Xây dựng cơ bản	-0.12	162,389	-0.3	1.9	3.5	58.7	6.6	5.1	1.4	0.4	NA	7.0	6.1	
Dịch vụ thương mại	0.00	4,535	-0.1	1.4	-3.2	5.7	6.3	5.8	NA	NA	-30.1	12.5	12.7	
May mặc và trang sức	-0.02	34,637	-0.2	-0.3	10.2	67.2	12.1	10.3	2.2	1.8	-7.1	17.4	15.5	
Dịch vụ tiêu dùng	0.03	8,179	0.9	1.2	8.4	-1.1	10.3	5.7	NA	NA	NA	5.1	8.4	
Dịch vụ tài chính	0.32	59,992	2.1	4.2	-10.3	80.5	8.4	4.0	NA	NA	34.5	8.8	3.6	
Năng lượng	0.37	79,018	1.8	5.1	-3.3	10.4	22.0	15.8	2.1	2.1	-63.8	13.0	14.0	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.57	551,286	0.4	6.2	-3.6	30.0	22.1	18.0	4.5	4.0	-15.1	23.4	23.9	
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	828	-2.8	-2.3	-17.5	11.4	NA	NA	NA	NA	-40.7	NA	NA	
Hàng cá nhân và gia dụng	0.02	9,314	0.8	3.0	-0.1	2.2	6.9	6.6	NA	NA	50.7	10.7	15.8	
Bảo hiểm	-0.06	49,591	-0.5	2.4	-12.5	3.1	24.6	21.5	1.8	1.7	28.6	7.6	8.0	
Nguyên vật liệu	0.43	334,293	0.5	4.9	-5.7	65.1	12.7	12.1	1.1	0.8	62.1	14.6	13.8	
Giải trí và truyền thông	0.00	1,239	-1.2	-6.4	-15.4	8.6	12.1	9.3	1.0	0.9	-61.6	8.5	10.2	
Dược phẩm	-0.06	33,497	-0.7	-1.3	-3.3	9.4	3.5	2.8	0.7	0.5	11.6	12.9	13.2	
Bất động sản	-1.77	1,048,737	-0.6	4.3	7.4	19.8	8.5	8.1	1.5	1.4	-17.8	9.5	9.3	
Bán lẻ	0.14	67,992	0.8	-2.7	5.7	24.8	44.9	35.5	2.5	2.1	-2.6	15.8	15.7	
Phần mềm và dịch vụ	0.55	60,699	3.5	14.8	18.4	57.9	10.9	8.6	2.7	2.2	10.2	25.4	26.4	
Thiết bị và phần cứng	0.03	3,333	3.1	12.0	-9.1	227.0	13.3	11.3	2.9	2.7	48.6	23.8	25.4	
Dịch vụ viễn thông	-0.02	1,092	-6.9	-13.7	110.1	207.9	10.6	8.9	2.4	2.0	24.2	18.5	15.6	
Vận tải	0.01	164,209	0.0	2.9	-0.9	14.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tiện ích	0.52	240,355	0.8	5.0	-7.8	5.2	61.8	87.2	9.0	8.4	-3.1	-3.0	5.3	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	98,400	1.23	2,498,900	1.05
VPB VN	36,600	3.24	8,271,100	0.75
SAB VN	182,100	1.73	296,100	0.53
FPT VN	72,500	3.57	4,398,700	0.52
GAS VN	81,000	1.25	790,800	0.51
GVR VN	25,450	1.80	4,257,800	0.48
BHN VN	75,600	6.93	5,100	0.30
PLX VN	51,300	1.58	364,700	0.26
MSN VN	89,500	0.67	1,415,200	0.19
BID VN	41,500	0.36	1,378,500	0.16

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	105,000	-2.33	1,022,400	-2.26
VNM VN	108,800	-0.82	1,896,800	-0.50
NVL VN	81,500	-1.81	2,796,400	-0.43
VGC VN	35,600	-6.93	714,700	-0.32
VRE VN	32,600	-1.51	4,110,300	-0.30
CTG VN	34,700	-0.57	9,413,200	-0.20
STB VN	17,600	-2.22	18,651,000	-0.19
HDB VN	23,550	-1.88	3,323,600	-0.19
HPG VN	41,800	-0.48	22,252,900	-0.18
MBB VN	24,050	-0.82	11,089,600	-0.15

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.